CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Thái Hòa	Chủ tịch	
Ông Trương Hùng Sơn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Bảo	Ủy viên	
Bà Trần Thị Thu Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2017
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2017

Ban Kiểm soát

Vũ Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban
Nguyễn Thị Minh Thoa	Thành viên
Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Lê Nguyễn Thùy Giang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Thái Hòa	Giám đốc
Ông Phạm Thái Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiên Phong	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0102680481 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Bùi Thái Hòa
Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Số: 93 /2018/ UHY - BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/03/2018, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản mục phải thu Ông Bảo Việt Trung và Bà Đoàn Lệ Hoa là: 4.366.335.634 đồng là số tiền phát sinh từ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 01-2012/11DCTVN-HDB ngày 20/11/2011 và Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng số 05-2012/DCTVN- HDB ngày 21/05/2015 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo (trong đó, khoản gốc tiền gửi là: 3.600.000.000 đồng và số tiền lãi dự thu đến ngày 31/12/2014 là 766.335.634 đồng). Sau đó, Ngân hàng đã có văn bản khẳng định Công ty không có khoản tiền gửi 3.600.000.000 đồng trong tài khoản thanh toán để thực hiện nghĩa vụ trong Phụ lục hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn nêu trên. Ngày 15/01/2016, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết số 01/NQ- HĐQT-VECS về việc chuyển số tiền trên từ khoản phải thu Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM - Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo sang nghĩa vụ, trách nhiệm của Ông Bảo Việt Trung - nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty và Bà Đoàn Lệ Hoa - nguyên Trưởng phòng Tài chính kế toán, yêu cầu Ông Trung và Bà Hoa phải cam kết về thời hạn thu hồi khoản tiền này cho Công ty.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Đến nay, Công ty đang phối hợp với các Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội để điều tra xử lý vụ việc theo thẩm quyền. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra về kết quả xử lý vụ việc. Do đó, chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của khoản công nợ nêu trên.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017, một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền là 12.522.495.751 đồng chưa được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Đây là các khoản nợ phải thu khó đòi thuộc diện phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với mức trích lập 100% giá trị theo quy định hiện hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Tự Trung	**Nguyễn Anh Tuấn**
Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1	Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3974-2017-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**109.628.133.662**	**98.836.023.051**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**4.262.858.853**	**10.446.421.979**
Tiền	111		4.262.858.853	446.421.979
Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**27.000.000.000**	**23.900.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.000.000.000	23.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**61.647.281.621**	**47.563.253.178**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	41.335.316.838	18.994.732.780
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.734.132.418	2.550.580.536
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	23.296.738.233	30.736.845.730
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(4.718.905.868)	(4.718.905.868)
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**16.426.370.494**	**16.406.702.885**
Hàng tồn kho	141		16.426.370.494	16.406.702.885
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**291.622.694**	**519.645.009**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	291.622.694	307.270.770
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	212.374.239
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**27.493.252.312**	**21.280.120.062**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**4.919.064.464**	**4.956.549.464**
Phải thu dài hạn khác	216	7	4.919.064.464	4.956.549.464
Tài sản cố định	**220**		**12.248.279.601**	**11.929.090.295**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.248.279.601	11.929.090.295
- Nguyên giá	*222*		*22.934.752.179*	*22.121.581.816*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(10.686.472.578)*	*(10.192.491.521)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**3.014.769.905**	**2.090.121.269**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.014.769.905	2.090.121.269
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**5.000.000.000**	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.311.138.342**	**2.304.359.034**
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.311.138.342	2.304.359.034
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**137.121.385.974**	**120.116.143.113**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**40.391.294.248**	**23.796.302.780**
Nợ ngắn hạn	**310**		**40.391.294.248**	**23.796.302.780**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	31.496.150.700	5.706.232.988
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.900.000.000	7.358.282.686
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.048.993.698	337.808.436
Phải trả người lao động	314		3.001.084.005	2.103.215.165
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	725.080.820	1.058.753.952
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		135.000.006	579.545.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	804.571.925	354.359.992
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	6.065.034.504
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		280.413.094	233.069.602
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**96.730.091.726**	**96.319.840.333**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**96.730.091.726**	**96.319.840.333**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*89.372.500.000*	*89.372.500.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.457.057.385	6.046.805.992
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		6.457.057.385	6.046.805.992
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**137.121.385.974**	**120.116.143.113**

M.S.D.N: 0102680481 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM - Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Bùi Thái Hòa	**Nguyễn Xuân Hoàng**	**Phạm Thị Hiền**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	**119.374.522.070**	**70.016.495.061**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		**119.374.522.070**	**70.016.495.061**
Giá vốn hàng bán	11	20	106.130.703.264	59.329.551.828
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**13.243.818.806**	**10.686.943.233**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.220.782.000	2.724.671.114
Chi phí tài chính	22	22	65.818.077	47.413.895
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*65.818.077*	*47.413.895*
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.915.757.741	5.798.602.538
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**8.483.024.988**	**7.565.597.914**
Thu nhập khác	31	24	3.454.545	1.909.576
Chi phí khác	32	25	303.380.694	-
Lợi nhuận khác	40		**(299.926.149)**	**1.909.576**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**8.183.098.839**	**7.567.507.490**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.726.041.454	1.520.701.498
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		**6.457.057.385**	**6.046.805.992**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	**722**	**650**

M.S.D.N: 0102680481 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Bùi Thái Hòa	**Nguyễn Xuân Hoàng**	**Phạm Thị Hiền**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		**8.183.098.839**	**7.567.507.490**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		493.981.057	911.081.083
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.220.782.000)	(5.823.750.395)
Chi phí lãi vay	06		65.818.077	47.413.895
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*6.522.115.973*	*2.702.252.073*
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(13.834.169.204)	12.177.895.974
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(19.667.609)	(9.014.254.984)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		20.768.211.446	(25.667.249.416)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		8.868.768	(1.440.835.213)
Tiền lãi vay đã trả	14		(65.818.077)	(47.413.895)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(649.049.795)	(2.261.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(190.250.000)	(35.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*12.540.241.502*	*(23.586.005.461)*
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.737.818.999)	(1.788.705.454)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.500.000.000)	(29.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.400.000.000	46.149.098.800
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.220.782.000	434.019.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*(7.617.036.999)*	*15.794.412.456*
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		12.077.054.151	17.997.213.858
Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.142.088.655)	(11.932.179.354)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.041.733.125)	(5.224.189.903)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(11.106.767.629)*	*840.844.601*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		**(6.183.563.126)**	**(6.950.748.404)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	**10.446.421.979**	**17.397.170.383**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	**4.262.858.853**	**10.446.421.979**

M.S.D.N: 0102680... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM Q. CẦU GIẤY

Bùi Thái Hòa	**Nguyễn Xuân Hoàng**	**Phạm Thị Hiền**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường Cao tốc Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103022798 ngày 07/03/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thay đổi thứ 14 ngày 26 tháng 10 năm 2017, mã số doanh nghiệp 0102680481.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 89.372.500.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Bùi Thái Hòa, sinh ngày 12/09/1978, quốc tịch Việt Nam, chứng minh nhân dân số 013303717 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/06/2010, chức vụ là Giám đốc.

Tại ngày 31/12/2017 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 252 người, tại ngày 31/12/2016 là 248 người.

Địa chỉ Công ty: Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Buôn bán, cho thuê máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Buôn bán sắt, thép, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khai thác, xử lý cung cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Điều hành tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với số liệu trong Báo cáo tài chính năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả, khoản vay tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 về Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể khó thu hồi do khách nợ mất khả năng thanh toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5
Tài sản cố định khác	5 - 15

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời gian ước tính đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty và thời gian phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư chủa chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Đồng Việt Nam và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 Ghi nhận giá vốn

Chi phí kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Giá vốn dịch vụ được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.12 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

3.13 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Thuế GTGT đầu vào được kê khai và hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả phải nộp khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	309.086.265	280.000.048
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.953.772.588	166.421.931
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	4.262.858.853	**10.446.421.979**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	**27.000.000.000**	**27.000.000.000**	**23.900.000.000**	**23.900.000.000**
+ Tiền gửi có kỳ hạn	27.000.000.000	27.000.000.000	23.900.000.000	23.900.000.000
Dài hạn	**5.000.000.000**	**5.000.000.000**	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	32.000.000.000	**32.000.000.000**	**23.900.000.000**	**23.900.000.000**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam	-	9.540.046.773
- Công ty CP Thiết bị Giao thông vận tải Vietraco	2.552.550.000	2.952.550.000
- Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng và Thương mại TLC	2.299.310.959	2.299.310.959
- Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Quảng Tây	3.282.869.121	-
- Tổng Cty CP XNKvà xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	13.904.030.859	-
- Tổng công ty xây dựng số 1-TNHH một thành viên	15.744.543.400	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.552.012.499	4.202.825.048
	41.335.316.838	**18.994.732.780**
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	**-**	**9.540.046.773**
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	-	9.540.046.773

Tại thời điểm 31/12/2017, phải thu khách hàng tăng lên so với ngày 01/01/2017 do khoản phải thu về thi công dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi: phải thu Tổng công ty CP XNK và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thi công gói thầu 13A và phải thu Tổng công ty xây dựng số 1 - TNHH một thành viên (CC1) thi công gói thầu A1.